

Số: 560/2020/QĐ-PT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
HUỶ BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Dương Tuấn Vinh

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự số: 75/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo như sau:

Ngày 05/12/2019, nguyên đơn ông Nguyễn B có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị D trả lại diện tích đất 6.303 m² cho ông. Các đương sự khác không có kháng cáo. Viện kiểm sát không có quyết định kháng nghị.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn L (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn B) xin rút lại toàn bộ đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng ý việc xin rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, tại văn bản ngày 07/3/2018 của ông Nguyễn B ủy quyền cho ông Trần Văn L có nội dung: “*Ý kiến của bên B (ông L) cũng là ý kiến của bên A (ông Bình) và bên B được quyền thay mặt bên A đứng tên trên đơn và các loại giấy tờ có liên quan đến vụ án; Bên B được toàn quyền định đoạt trong phạm vi ủy quyền và được quyền thay mặt bên A ký tên trong các văn bản liên quan đến vụ việc*”. Do đó, việc ông L rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo của nguyên đơn và việc đồng ý chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của bị đơn là đúng quy định pháp luật, hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khác.

Mặt khác, trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Căn cứ vào Điều 299, khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 342/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn B, sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ 14, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp BPh, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1937

Địa chỉ: Tổ 1, ấp BM, xã BM1, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Phan Thị D, sinh năm 1960

2/Ông Phạm Văn S, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Tổ 14, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

3/Bà Trần Thị M, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số 236 tổ 11, ấp BA, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

4/Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1932 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Mạnh:

- Ông Nguyễn Trí G, sinh năm 1974

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

- Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1988

- Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1991

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1954

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, ông G, bà T, bà N, bà V: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp BA, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

5/Uỷ ban nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện CP.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017639 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn B được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009713 ngày 06/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- NĐ (1);
- BD (1);
- NLQ (5);
- Lưu (10) 22b (QĐ VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên